

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị hành chính
trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1187/QĐ-BNV ngày 15/10/2025 của Bộ Nội vụ phê duyệt đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Kế hoạch số 18-KH/ĐU ngày 23/12/2025 của Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 26/10/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động công vụ;

Căn cứ Quyết định số 5918/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành kế hoạch CCHC năm 2026 của Bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị hành chính trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Chỉ số CCHC) với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Theo dõi, đánh giá thực chất và khách quan, minh bạch kết quả thực hiện cải cách hành chính (CCHC) hàng năm của các đơn vị hành chính trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC hàng năm của các đơn vị hành chính trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Bộ) bằng định lượng cụ thể góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện CCHC.

- Xác định thang điểm, phương pháp đánh giá cho các nội dung, tiêu chí đánh giá, làm cơ sở xác định Chỉ số CCHC của từng cơ quan, đơn vị.

2. Yêu cầu

a) Chỉ số CCHC bám sát nội dung, yêu cầu theo Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước của giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, nhiệm vụ CCHC của Bộ theo từng giai đoạn.

b) Chỉ số CCHC bảo đảm tính khả thi, phù hợp với chức năng nhiệm vụ cụ thể và đánh giá thực chất kết quả triển khai CCHC hàng năm của các đơn vị.

c) Tăng cường sự tham gia đánh giá của tổ chức, cá nhân đối với quá trình triển khai công tác CCHC, đặc biệt trong lĩnh vực thực hiện giải quyết thủ tục hành chính của các đơn vị.

d) Hình thành hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất trong các đơn vị hành chính trực thuộc Bộ.

3. Phạm vi và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi áp dụng: công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện CCHC hàng năm của các đơn vị hành chính trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Đối tượng áp dụng: Các đơn vị hành chính trực thuộc Bộ bao gồm: các Cục, Vụ và Văn phòng Bộ.

(Danh sách chi tiết tại Phụ lục I đính kèm Quyết định này).

II. NỘI DUNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Nội dung đánh giá

Chỉ số CCHC của các đơn vị hành chính trực thuộc Bộ gồm 07 nội dung đánh giá và 01 nội dung điểm cộng, điểm trừ, cụ thể: (1) Cải cách thể chế, (2) Cải cách thủ tục hành chính (TTHC), (3) Cải cách Tổ chức bộ máy, (4) Cải cách chế độ công vụ, (5) Cải cách tài chính công, (6) Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước, (7) Công tác Chỉ đạo điều hành CCHC, (8) Điểm cộng, điểm trừ trong công tác CCHC tương ứng tổng số 41 tiêu chí (TC) và 74 tiêu chí thành phần (TCTP). Trong đó:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 8 TC và 5 TCTP
- Cải cách thể chế: 10 TC và 6 TCTP
- Cải cách thủ tục hành chính: 5 TC và 15 TCTP
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 4 TC và 8 TCTP
- Cải cách chế độ công vụ: 6 TC và 8 TCTP
- Cải cách tài chính công: 3 TC và 9 TCTP
- Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước: 3 TC và 10 TCTP
- Điểm cộng, điểm trừ trong công tác CCHC: 2 TC và 13 TCTP

(Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của các đơn vị tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

2. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá tối đa là 1.000 điểm và được xác định cụ thể đối với từng nội dung, tiêu chí. Dựa trên cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ được giao của từng đơn vị, Chỉ số CCHC được chia thành 04 nhóm đơn vị tương ứng với số TC, TCTP và thang điểm được đánh giá tối đa khác nhau, bao gồm:

(1) Các Cục: thang điểm đánh giá tối đa **1.000 điểm** (do thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo các TC, TCTP của Chỉ số CCHC).

(2) Các Vụ (trừ Vụ Khoa học và Công nghệ): thang điểm đánh giá tối đa **600 điểm**;

(3) Vụ Khoa học và Công nghệ: thang điểm đánh giá tối đa **820 điểm** (do có thực hiện TTHC).

(4) Văn phòng Bộ: thang điểm đánh giá tối đa **695 điểm** (do có tổ chức cấp Phòng và có nhiệm vụ về tài chính công, tổ chức bộ máy, chế độ công vụ).

3. Phương pháp đánh giá

- Các đơn vị tự theo dõi, đánh giá và cung cấp tài liệu kiểm chứng cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của đơn vị mình theo các TC, TCTP được quy định trong Chỉ số CCHC và hướng dẫn đánh giá của Bộ. Điểm các đơn vị tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Chỉ số CCHC;

- Điểm tự đánh giá của các đơn vị được Tổ thẩm định chỉ số CCHC của Bộ (do Vụ Tổ chức cán bộ tham mưu thành lập) xem xét, thẩm định chuyên môn trước khi trình lãnh đạo Bộ phê duyệt.

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa theo thang điểm đánh giá. Chỉ số CCHC của đơn vị được thể hiện ở dòng cuối cùng của Chỉ số CCHC.

- Kết quả Chỉ số CCHC của các đơn vị được xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp và được chia thành 02 khối, gồm: (1) Khối cơ quan Bộ (các Vụ và Văn phòng Bộ); (2) Khối các Cục thuộc Bộ.

- Kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị được đánh giá do Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, trình Bộ phê duyệt được thể hiện tại cột “Điểm đạt được” của Chỉ số CCHC.

- Toàn bộ hoạt động đánh giá được thực hiện trên phần mềm xác định Chỉ số CCHC để đảm bảo tính chính xác, công khai, minh bạch, tạo thuận lợi, hiệu quả trong quá trình đánh giá.

4. Thời gian thực hiện

Việc tự đánh giá, xác định Chỉ số CCHC và công bố kết quả xếp hạng hàng năm của các đơn vị được thực hiện trong Quý I của năm sau năm đánh giá trên phần mềm xác định Chỉ số CCHC của Bộ do Cục Chuyển đổi số xây dựng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

a) Vụ Tổ chức cán bộ

Tham mưu, ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị triển khai xác định Chỉ số CCHC; trình Bộ thành lập Tổ thẩm định của Bộ để thực hiện đánh giá Chỉ số CCHC hàng năm của các đơn vị; công bố Chỉ số CCHC của các đơn vị hàng năm theo quy định; tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ CCHC của các đơn vị về công tác theo dõi, xác định Chỉ số CCHC; làm đầu mối tổng hợp, thẩm định các nội dung tiêu chí lĩnh vực cụ thể của Chỉ số CCHC và quản trị phần mềm xác định Chỉ số CCHC của Bộ theo chức năng nhiệm vụ được giao.

b) Các đơn vị đầu mối phụ trách theo lĩnh vực CCHC

Các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Pháp chế; Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Bộ và Cục Chuyển đổi số phối hợp chặt chẽ với Vụ Tổ chức cán bộ trong việc theo dõi, thẩm định, xác định Chỉ số CCHC đối với từng nội dung, lĩnh vực CCHC cụ thể theo chức năng nhiệm vụ được giao và phân công của lãnh đạo Bộ.

c) Các đơn vị hành chính trực thuộc Bộ: Chủ động, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan triển khai xác định Chỉ số CCHC của đơn vị mình đảm bảo đầy đủ, khách quan, chính xác, đúng thời gian theo quy định, hướng dẫn của Bộ; cung cấp bổ sung tài liệu minh chứng về kết quả tự chấm điểm CCHC của đơn vị khi được Tổ thẩm định của Bộ yêu cầu.

2. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị hành chính trực thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- Lưu VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG

Trịnh Việt Hùng